



GIÁO TRÌNH ĐỌC HIỂU TIẾNG VIỆT

越南语泛读



王彦 编注



北京大学出版社
PEKING UNIVERSITY PRESS

前 言

越南语泛读

GIÁO TRÌNH ĐỌC HIỂU TIẾNG VIỆT

王彦 编 注



北京大学出版社
PEKING UNIVERSITY PRESS

图书在版编目(CIP)数据

越南语泛读/王彦编注. —北京:北京大学出版社,2011.2

ISBN 978-7-301-18497-4

I. ①越… II. ①王… III. ①越南语—阅读教学—自学参考资料 IV. ①H44

中国版本图书馆 CIP 数据核字(2010)第 010536 号

书 名:越南语泛读

著作责任者:王彦编注

责任编辑:宣瑄

标准书号:ISBN 978-7-301-18497-4/H·2747

出版发行:北京大学出版社

地 址:北京市海淀区成府路 205 号 100871

网 址:<http://www.pup.cn>

电 话:邮购部 62752015 发行部 62750672 编辑部 62759634 出版部 62754962

电子信箱:zbing@pup.pku.edu.cn

印 刷 者:山东省高唐印刷有限责任公司

经 销 者:新华书店

787 毫米×1092 毫米 16 开本 11.75 印张 263 千字

2011 年 2 月第 1 版 2011 年 2 月第 1 次印刷

定 价:32.00 元

未经许可,不得以任何方式复制或抄袭本书之部分或全部内容。

版权所有,侵权必究

举报电话:(010)62752024 电子信箱:fd@pup.pku.edu.cn

前 言



“越南语泛读”是北京大学外国语学院越南语专业一门重要的必修课，其教学要求是通过对越南语原文的阅读，在提高学生阅读理解能力、加快阅读速度、扩大词汇量的同时，使学生对越南社会文化有进一步的了解和认识。本课程在专业课程设置上起着承上启下的作用，是低年级基础课和高年级专业课的衔接与过渡，固定教材的出版将有利于教学的完成和教学的效果。2008年北京大学教材建设委员会将本书作为立项教材批准编写、出版。

本教材主要选编有关政治、经济、军事、外交、教育、历史、宗教、语言、艺术等不同领域的越南语文章，努力涵盖越南社会文化的方方面面。因为本专业设有“越南现代小说选读”课，配有专门的《越南现代小说选读》教材，所以文学性文章不在选编之列。本教材文章的选编更侧重其内容的广泛性、典型性、稳定性，而不是时效性；更注重其语言的规范性、准确性，而不是流行性。

本教材选编了29篇文章，基本每课一篇，个别较长的文章分为两课，或两、三篇较短的文章组成一课，共30课，配合本专业二年级下、三年级上两学期每周两学时的“越南语泛读”课使用。课文后的注释主要对一些人名、地名、组织机构、俗语、外来语、缩略语、专有名词、特殊事件等加以解释，以期帮助学生更好地理解文章。

本教材不仅适用于本专业学生，还适用于其他院校和社会上学习越南语的学生，有利于学生在学习越南语的同时，加深对越南社会文化的全面了解。

本教材在编注过程中得到许多老师、朋友的热情帮助，在此表示衷心的感谢。感谢北京大学教材建设委员会与北京大学出版社的支持与帮助。

由于水平及掌握的资料有限，书中的疏漏之处，望读者批评指正。

编者

2010年10月

目 录

BÀI SỐ 1

NHIỆM VỤ CÁCH MẠNG, CHỦ TRƯỞNG ĐỐI NGOẠI VÀ NHỮNG BIỆN PHÁP NGOẠI
GIAO ĐẦU TIÊN CỦA NHÀ NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA (I)

越南民主共和国首要的革命任务、对外主张以及外交措施（上）……………1

BÀI SỐ 2

NHIỆM VỤ CÁCH MẠNG, CHỦ TRƯỞNG ĐỐI NGOẠI VÀ NHỮNG BIỆN PHÁP
NGOẠI GIAO ĐẦU TIÊN CỦA NHÀ NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA (II)

越南民主共和国首要的革命任务、对外主张以及外交措施（下）……………6

BÀI SỐ 3

MỘT SỐ ĐIỂM CẦN CHÚ Ý KHI SỬ DỤNG THUỐC NAM

使用南药时需要注意的几点……………11

BÀI SỐ 4

THIÊN NHIÊN VIỆT NAM VÀ VẤN ĐỀ SỬ DỤNG KINH TẾ

越南自然资源及其经济开发利用……………15

BÀI SỐ 5

NỀN KINH TẾ HÀNG HÓA NHIỀU THÀNH PHẦN VẬN HÀNH THEO CƠ CHẾ THỊ
TRƯỜNG CÓ SỰ QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC THEO ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

沿着社会主义方向、由国家管理、按照市场机制运行的多种成分的商品经济……………20

BÀI SỐ 6

ĐỔI MỚI GIÁO DỤC (I)

教育革新（上）……………24

BÀI SỐ 7

ĐỔI MỚI GIÁO DỤC (II)

教育革新（下）……………29

BÀI SỐ 8

VĂN HÓA HOA - CÂY CẢNH

花—盆景文化……………34

BÀI SỐ 9	
LỜI NÓI ĐẦU CỦA “KẾT THÚC CUỘC CHIẾN TRANH 30 NĂM”	
《30年战争的终结》序.....	40
BÀI SỐ 10	
PHONG TRÀO ĐÔNG DU TRONG GIAO LƯU VĂN HÓA VIỆT - NHẬT	
越日文化交流中的东游运动.....	46
BÀI SỐ 11	
TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP	
独立宣言.....	53
DI CHỨC	
遗嘱.....	55
BÀI SỐ 12	
KHÁI NIỆM VĂN HÓA VÀ CÁC KHÁI NIỆM KHÁC	
文化概念与其他概念.....	58
BÀI SỐ 13	
CHỮ QUỐC NGỮ TRONG LỊCH SỬ TIẾNG VIỆT	
越南语言史上的国语字.....	64
BÀI SỐ 14	
TÍNH ĐA DẠNG VÀ TÍNH THỐNG NHẤT CỦA TỰ NHIÊN VIỆT NAM	
越南自然地理的多样性和统一性.....	70
BÀI SỐ 15	
NGHỆ THUẬT SÂN KHẤU CỔ TRUYỀN VIỆT NAM	
越南传统舞台艺术.....	75
BÀI SỐ 16	
KẾT LUẬN VỀ CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY NĂM 1968	
关于1968年总攻势与总奋起的结论.....	81
BÀI SỐ 17	
ẢNH HƯỞNG PHẬT GIÁO QUA QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP VĂN HÓA VIỆT NAM	
融入越南文化过程中佛教的影响.....	87
BÀI SỐ 18	
SỰ TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC GIA TĂNG DÂN SỐ ĐỐI VỚI NỀN KINH TẾ - XÃ HỘI VIỆT NAM	
人口增长对越南经济—社会的影响.....	95
BÀI SỐ 19	
GIA ĐÌNH VIỆT NAM	
越南家庭.....	101

BÀI SỐ 20	
LÊN ĐƯỜNG	
上路	107
BÀI SỐ 21	
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG NỀN VĂN HÓA VIỆT NAM	
胡志明关于越南文化建设的思想	114
BÀI SỐ 22	
LỜI ĐẦU SÁCH NÓI Ở CUỐI SÁCH CỦA “HỌA SĨ TRẦN VĂN CÂN”	
《画家陈文瑾》后记	120
BÀI SỐ 23	
ĐẶC ĐIỂM CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM	
越南少数民族的特点	126
BÀI SỐ 24	
VĂN HÓA LÀNG VIỆT NAM (I)	
越南乡村文化(上)	132
BÀI SỐ 25	
VĂN HÓA LÀNG VIỆT NAM (II)	
越南乡村文化(下)	138
BÀI SỐ 26	
NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM—CHỦ THỂ CAO NHẤT CỦA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ	
越南社会主义共和国——国家经济管理的最高主体	145
BÀI SỐ 27	
PHÚ XUÂN - HUẾ	
富春—顺化	151
BÀI SỐ 28	
PHONG CÁCH ĂM THỰC CỦA NGƯỜI VIỆT (I)	
越南人的饮食风格(上)	158
BÀI SỐ 29	
PHONG CÁCH ĂM THỰC CỦA NGƯỜI VIỆT (II)	
越南人的饮食风格(下)	165
BÀI SỐ 30	
KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ NƯỚC ĐÔNG Á SAU KHI GIA NHẬP WTO	
东亚一些国家加入WTO后的经验	172

BÀI SỐ 1
NHIỆM VỤ CÁCH MẠNG, CHỦ TRƯỞNG ĐỐI NGOẠI
VÀ NHỮNG BIỆN PHÁP NGOẠI GIAO ĐẦU TIÊN
CỦA NHÀ NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA (I)
越南民主共和国首要的革命任务、
对外主张以及外交措施 (上)

Nhà nước Việt Nam độc lập ra đời và tồn tại nhờ ở ý chí “toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”.

1. Nhà nước cách mạng vừa ra đời đang đứng trước những nhiệm vụ to lớn, cấp bách:

—Bảo vệ thành quả Cách mạng Tháng Tám mà trước hết là duy trì, củng cố chính quyền nhân dân vừa thành lập trên cả nước.

—Đổi phó thành công với lực lượng Đồng minh kéo vào nước ta để thực thi quyết định Pótxđam, đặc biệt là chống quân đội viễn chinh Pháp kéo vào xâm lược nước ta với mưu đồ “đánh mau thắng mau”, đi đôi với trừ nội gian, chống bọn tay sai của nước ngoài gây rối loạn xã hội.

—Chống nghèo đói, xây dựng nền kinh tế tài chính mới, đẩy mạnh sản xuất, cải thiện dân sinh để bồi đắp nhanh chóng thực lực cách mạng.

—Xây dựng lực lượng vũ trang, bán vũ trang, tăng cường trang bị vũ khí, phương tiện tự vệ cho toàn dân.

—Nâng cao dân trí, xây dựng nền giáo dục mới.

Tóm lại, như Chủ tịch Hồ Chí Minh nói, lúc này cách mạng nước ta phải tập trung vào nhiệm vụ chống giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm. Quan trọng hàng đầu vẫn là vấn đề duy trì và củng cố chính quyền cách mạng, xây dựng chế độ mới, tăng cường khối đoàn kết toàn dân, phát huy nội lực, đối phó với thế lực thực dân Pháp xâm lược đang đem quân đánh chiếm nước ta.

Để phục vụ những nhiệm vụ đó, ngày 13-11-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ đưa ra lời kêu gọi nhân tài ra cứu nước. Người nói: “Kháng chiến phải đi đôi với kiến quốc... Kiến thiết cần có nhân tài... Chúng ta cần nhất bây giờ là:

Kiến thiết ngoại giao

Kiến thiết kinh tế

Kiến thiết quân sự

Kiến thiết giáo dục”¹.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 4, tr. 99.

2. Bối cảnh quốc tế lúc này đầy rối loạn, diễn biến tình hình ở Việt Nam và Đông Dương đang chịu sự chi phối rất lớn của nhân tố bên ngoài. Kế quyết tâm chống lại nền tự do độc lập của dân tộc ta là thế lực thực dân, đế quốc và phản động từ bên ngoài tới. Đất nước ta đang bị đế quốc, phản động phong tỏa, cắt mọi quan hệ với bên ngoài. Hơn thế nữa, bốn thế lực quân sự lớn đang chiếm đóng nước ta (Nhật, Anh, Pháp và lực lượng Tưởng Giới Thạch) và bốn trong năm nước lớn thành viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc đang dính líu vào việc áp đặt giải pháp cho Đông Dương với một mục tiêu duy nhất là tìm cách xóa chính quyền cách mạng, “lập lại trật tự” của thực dân phương Tây ở xứ sở này. Nhìn tổng thể, kinh tế, tài chính, quân sự, tương quan lực lượng giữa ta và thế lực thù địch từ bên ngoài vào có sự chênh lệch rất lớn. Đất nước ta lại rơi vào tình thế “châu chấu đá xe”.

Chính trong thời điểm đó, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sáng suốt dùng hoạt động đối ngoại, công tác ngoại giao như là một thứ vũ khí lợi hại tấn công, kiềm chế, phân hóa thế lực thù địch, cô lập kẻ thù chính là thế lực thực dân hiếu chiến Pháp, từng bước mở rộng đội ngũ trung gian, bạn bè bên ngoài và phá vòng vây hãm.

3. Cùng với việc xác định ngoại giao là quốc sách, là biện pháp chiến lược, Nhà nước ta đã sớm ban hành “Chính sách ngoại giao của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”. Một tháng sau khi tuyên bố độc lập, ngày 3-10-1945, “chính sách ngoại giao” được công bố chính thức dưới dạng một văn kiện nhà nước².

Đặc điểm của chính sách đó bắt nguồn từ những tư tưởng lớn của “Nam quốc sơn hà Nam đế cư”, quyết tâm “lấy đại nghĩa thắng hung tàn, đem chí nhân thay cường bạo”, cũng như tinh thần của kiến nghị về giải pháp đòi trao trả độc lập cho Việt Nam từng bước trong vòng 5 năm, vừa cứng rắn về nguyên tắc, vừa mềm dẻo về sách lược của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đồng thời, chính sách ngoại giao mới dựa vào những trí tuệ lớn về đối ngoại của thời kỳ chuyển hướng chiến lược (Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ tám tháng 5-1941, Thông cáo của Trung ương: “Cuộc chiến tranh Thái Bình Dương và trách nhiệm cần kíp của Đảng”, Nghị quyết Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ tháng 4-1945) và đặc biệt là Nghị quyết của Hội nghị toàn quốc của Đảng và Nghị quyết Đại hội quốc dân Tân Trào tháng 8-1945.

Qua các văn bản, Nghị quyết của Đảng và Việt Minh trong thời kỳ chiến tranh Thái Bình Dương (1941-1945), thời kỳ chuyển hướng chiến lược cách mạng, ta thấy nổi lên những định hướng, những chủ trương đối ngoại quan trọng. Các quyết định đó đã khẳng định cách mạng nước ta là bộ phận của mặt trận dân chủ chống phát xít gây chiến tranh, vì vậy ta coi “ai chống phát xít Nhật, Pháp đều là bạn đồng minh của ta cả” và cho rằng quan hệ đối ngoại của cách mạng Đông Dương phải dựa trên nguyên tắc “thân thiện với các nước coi trọng nền độc lập của Việt Nam”. Trên cơ sở tư tưởng tự lập, tự cường, Đảng ta đã vạch ra phương hướng quan hệ với các lực lượng bên ngoài: “Ta có mạnh thì họ mới chịu “đếm xia đến”. Ta yếu thì ta chỉ là một khí cụ trong tay

2 “Thông cáo về Chính sách ngoại giao của nước Cộng hòa Dân chủ Việt Nam”. Báo *Cửu quốc*, ngày 3-10-1945. Bản sao lưu tại bộ môn Chính sách đối ngoại Việt Nam, khoa Chính trị quốc tế và Ngoại giao, Học viện Quan hệ quốc tế.

của kẻ khác, đầu là kẻ ấy có thể là bạn đồng minh của ta vậy”³. Đảng ta còn chủ trương để mở rộng đội ngũ đồng minh bạn bè xa gần phải “liên lạc và tranh thủ sự giúp đỡ” của “các nước nhược tiểu và dân chúng Trung Hoa và Pháp” và cần phải “tranh thủ sự đồng tình của Liên Xô và Mỹ chống lại mưu đồ của Pháp định khôi phục lại địa vị cũ ở Đông Dương và mưu đồ của một số quân phiệt Trung Quốc định chiếm nước ta”. Đảng ta còn nhấn mạnh “mâu thuẫn giữa hai phe Anh-Pháp và Mỹ-Trung về vấn đề Đông Dương là một điều ta cần tận dụng”. Trong quyết định Tổng khởi nghĩa ở Tân Trào, Đảng và Mặt trận Việt Minh đã kịp thời vạch ra phương hướng hành động “tránh cái trường hợp một mình đối phó với nhiều lực lượng Đồng minh”.

Thẩm nhuần quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Muốn làm cách mạng thắng lợi thì phải phân biệt rõ ai là bạn, ai là thù, phải thực hiện thêm bầu bạn, bớt kẻ thù”⁴, ta đã đề ra nhiều biện pháp sách lược quan trọng và coi việc thêm bạn bớt thù là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của đường lối quốc tế trong Cách mạng Tháng Tám. Tuy nhiên, trực tiếp hơn cả là những ý niệm lớn về đối ngoại nêu ra trong Tuyên ngôn độc lập ngày 2 tháng 9 lịch sử. Bản Tuyên ngôn vạch rõ: “Việt Nam tuyên bố thoát ly hẳn quan hệ với thực dân Pháp...” và khẳng định chân lý: “... tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”⁵. Tuyên ngôn độc lập trở thành một giác thư thời đại, khẳng định sự tồn tại của Nhà nước Việt Nam độc lập trong quan hệ quốc tế, đồng thời bày tỏ thái độ của nhân dân ta đối với những sự kiện quốc tế và khu vực sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Những vấn đề nêu trên đã đi vào thực tiễn đấu tranh của nhân dân ta như là đạo lý làm cơ sở vững chắc để tạo nên trang sử mới của quan hệ quốc tế Việt Nam trong những thập kỷ kế tiếp. Nó trở thành những tiền đề, tạo ra cơ sở trí tuệ và thực tiễn cho việc phác thảo về nội dung “Chính sách ngoại giao” của Nhà nước ta ngày 3-10-1945.

4. Nhạy cảm trước những biến đổi mau lẹ của tình hình, sự thay đổi trong chính sách của các nước lớn và về ý đồ của kẻ thù trước mắt, ngày 3-10-1945, Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã kịp thời công bố đường lối đối ngoại của mình dưới hình thức một văn kiện nhà nước: “Thông cáo về chính sách ngoại giao của nước Cộng hòa Dân chủ Việt Nam”.

Thông cáo nêu rõ “cơ sở để hoạch định chính sách ngoại giao” là “căn cứ vào tình hình quốc tế và hiện trạng nước Việt Nam ta”, căn cứ vào “thái độ của các liệt quốc” và “lấy nguyên tắc của Hiến chương Đại Tây Dương làm nền tảng”.

Mục tiêu của chính sách đó là góp phần “đưa nước nhà đến sự độc lập hoàn toàn và vĩnh viễn”; “nước Việt Nam còn đương ở giai đoạn đấu tranh kịch liệt, tất chính sách ngoại giao phải có mục đích cốt yếu là giúp cho sự tranh đấu ấy thắng lợi bằng mọi phương pháp êm dịu hay cương quyết”. Thông cáo cũng khẳng định cam kết sẽ cùng các nước trong Đồng minh “xây đắp lại nền hòa bình của thế giới”.

3 Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 7, tr. 244.

4 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 10, tr. 605.

5 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 4, tr. 1.

Về chính sách cụ thể đối với bốn đối tượng chủ yếu trong quan hệ quốc tế của nước ta lúc bấy giờ, Thông cáo vạch rõ:

—Với các nước lớn, các nước trong Đồng minh chống phát xít thì “Việt Nam hết sức thân thiện và thành thực hợp tác trên lập trường bình đẳng và tương ái”.

—Với Pháp chia làm hai đối tượng: “Trước hết đối với kiều dân Pháp, nếu họ yên tĩnh làm ăn và tôn trọng sự độc lập của Việt Nam thì sinh mệnh và tài sản của họ vẫn được bảo vệ theo luật quốc tế” và “riêng với Chính phủ Pháp Đờ Gôn chủ trương thống trị Việt Nam thì kiên quyết chống lại”.

—Với các nước láng giềng, Thông cáo đã khẳng định một phương hướng mới của quan hệ quốc tế Việt Nam, nhấn mạnh đến hữu nghị hợp tác và bình đẳng. Với Trung Hoa, trong thời kỳ Hiệp định Song thập (10-10-1945) sắp được ký kết, chủ trương của ta là thành thực hợp tác trên tinh thần bình đẳng, nhằm “thắt chặt tình thân ái khiến hai dân tộc Việt - Hoa tương trợ mà cùng tiến hóa”.

Riêng với hai nước bạn Cao Miên và Ai Lao (Campuchia và Lào), thì “dây liên lạc lấy dân tộc tự quyết làm nền tảng, lại càng phải chặt chẽ hơn nữa”. Ba nước Đông Dương “còn có nhiều mối liên hệ về kinh tế nên sẽ giúp đỡ lẫn nhau và sánh vai ngang hàng mà tiến hóa”.

—“Với các nước tiểu dân tộc trên toàn cầu, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẵn sàng thân thiện, hợp tác chặt chẽ trên nguyên tắc bình đẳng để ủng hộ lẫn nhau trong sự xây đắp và giữ vững nền độc lập”⁶.

Vì tầm quan trọng và tính cấp thiết của Thông cáo, ngày 6-10-1945, Chủ tịch Hồ Chính Minh đã gặp giới báo chí trong và ngoài nước để làm rõ thêm chính sách đối với Mỹ, Trung Hoa và với Pháp, thể hiện sách lược tranh thủ Mỹ, hòa hoãn với Trung Hoa và đòi Pháp thừa nhận nền độc lập của Việt Nam, đồng thời gợi mở khả năng thỏa hiệp để giải quyết xung đột về lợi ích khác giữa hai bên. Người nói: “Với Pháp, rất đơn giản là Chính phủ Pháp buộc phải công nhận nền độc lập của nước ta. Được thế, về vấn đề khác cũng có thể giải quyết rất dễ dàng”⁷.

(Còn nữa)



注 释

本课节选自越南国际关系学院阮福伦 (Nguyễn Phúc Luân) 主编、越南河内国家政治出版社 (Nxb Chính trị quốc gia) 2001年版《现代越南外交——为了争取独立、自由的事业 (1945—1975)》(Ngoại giao Việt Nam hiện đại - vì sự nghiệp giành độc lập, tự do (1945—1975)) 第一章 “捍卫和巩固新生革命国家时期的外交斗争 (1945.08—1946.12)”

6 “Thông cáo về Chính sách ngoại giao của nước Cộng hòa Dân chủ Việt Nam”. Báo Cứu quốc, ngày 3-10-1945. Bản sao lưu tại bộ môn Chính sách đối ngoại Việt Nam, khoa Chính trị quốc tế và Ngoại giao, Học viện Quan hệ quốc tế.

7 Báo Cứu quốc, ngày 8-10-1945.

(*Đấu tranh ngoại giao trong thời kỳ giữ vững và củng cố nhà nước cách mạng non trẻ (8-1945-12-1946)*) 。

1. **Đồng minh**: 同盟国, 第二次世界大战时期建立的国家联盟, 又称反法西斯同盟。

2. **quyết định Pôttxdam**: 波斯坦决议, 1945年7月26日在波茨坦会议上美、英、中联合发表《中美英三国促令日本投降之波茨坦公告》, 简称《波茨坦公告》或《波茨坦宣言》。

3. **Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc**: 联合国安全理事会 (United Nations Security Council), 简称联合国安理会、安理会, 是联合国六大主要机构之一。

4. **Nam quốc sơn hà Nam đế cư**: 南国山河南帝居。相传越南李朝大臣李常杰 (Lý Thường Kiệt) 在率领李朝军队与中国宋朝军队交战时, 为鼓舞官兵士气, 假借神人之口说出四句汉字诗: “南国山河南帝居, 截然定分在天书。如何逆虏来侵犯, 汝等行看取败处。” 此四句诗后常被称为越南历史上的“第一篇独立宣言”。

5. **lấy đại nghĩa thắng hung tàn, đem chí nhân thay cường bạo**: 以大义而胜凶残, 以至仁而易强暴。这是阮廌 (Nguyễn Trãi) 用汉字撰写的《平吴大诰》中的一句话。1428年, 越南驱逐了明朝军队, 国家重新恢复独立, 黎太祖黎利 (Lê Lợi) 命阮廌撰写诰文, 昭告全民。此文后常被称为越南历史上的“第二篇独立宣言”。

6. **Bắc Kỳ**: 北圻。法属时期, 法国殖民者把越南分为北圻、中圻 (Trung Kỳ) 和南圻 (Nam Kỳ) 三部分, 实行不同方式的殖民统治。北、中、南三圻又分别称为东京、安南和交趾之那。

7. **Tân Trào**: 新潮, 位于越南北部宣光省, 是八月革命前越南革命根据地。1945年8月13日越南共产党 (时称印度支那共产党) 在此召开全国代表会议, 决定举行总起义, 夺取全国政权。1945年8月16日越盟在此召开国民大会, 通过了越盟总部的总起义令以及越盟的十大政策, 并选举出以胡志明为主席的越南临时政府。

8. **Việt Minh**: 越盟, 即1941年5月19日宣告成立的越南民族统一战线组织“越南独立同盟” (Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh) 的简称。越盟主席为胡志明, 其成员包括越南各阶层的爱国人士, 以越南各界所组成的16个救国会为基础, 印度支那共产党党员是各救国会的骨干。

9. **Tuyên ngôn độc lập**: 《独立宣言》, 1945年9月2日在河内巴亭广场举行的群众集会上, 胡志明代表越南临时政府宣读他本人起草的《独立宣言》, 宣告越南民主共和国成立。

10. **Hiến chương Đại Tây Dương**: 《大西洋宪章》, 又称《罗斯福丘吉尔联合宣言》, 是美国总统罗斯福与英国首相丘吉尔在1941年8月举行的大西洋会议上签署并发表的联合宣言。

11. **Đờ Gôn**: 夏尔·戴高乐 (Charles de Gaulle, 1890—1970), 法兰西第五共和国第一任总统, 即法国第18任总统。

12. **Hiệp định Song thập**: 双十协定, 又称《政府与中共代表会谈纪要》, 或国共双方代表会谈纪要, 中国国民党政府代表与中国共产党代表于1945年10月10日在重庆签定。

BÀI SỐ 2

NHIỆM VỤ CÁCH MẠNG, CHỦ TRƯỞNG ĐỐI NGOẠI VÀ NHỮNG BIỆN PHÁP NGOẠI GIAO ĐẦU TIÊN CỦA NHÀ NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA (II)

越南民主共和国首要的革命任务、 对外主张以及外交措施 (下)

(Tiếp theo bài trước)

Tuy được công bố trong hoàn cảnh phức tạp và có nhiều tế nhị, chính sách ngoại giao của Nhà nước ta đã thể hiện tính cơ bản, tính toàn diện và tính thực tiễn của nó. Và cùng với những thành quả trong quá trình thực hiện, chính sách ngoại giao đầu tiên đã góp phần quan trọng vào việc định hướng về tư tưởng, nội dung cơ bản và sách lược của đường lối đối ngoại độc lập tự chủ của Đảng và Nhà nước ta xuyên suốt cuộc đấu tranh vì tự do, độc lập trong những thập kỷ kế tiếp.

Vận dụng chính sách đối ngoại ngày 3-10-1945, hoạt động ngoại giao nhà nước đã chủ động thực hiện những biện pháp linh hoạt, có nguyên tắc trong việc đón tiếp các lực lượng Đồng minh vào nước ta, duy trì quan hệ với phái bộ Mỹ đến nước ta sau chiến tranh, tranh thủ mọi lực lượng trung gian; kiềm chế và cô lập thế lực thực dân Pháp khi chúng mới vào nước ta, đi đến thỏa thuận ngừng bắn cục bộ Anh-Pháp-Việt ở Nam Bộ (từ ngày 3 đến ngày 8-10-1945), tạo thời gian ngừng chiến tạm thời để ta chuẩn bị lực lượng ở phía Nam và đưa quân Nam tiến từ phía Bắc, v.v..

Tạo lập mối quan hệ kiểu mới với các nước láng giềng Campuchia và Lào trên cơ sở khơi dậy và phối hợp hành động nhằm chống kẻ thù chung của ba dân tộc theo đúng nội dung của chính sách ngoại giao mới đề ra.

Hơn thế nữa, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn chủ trương thực thi một chính sách ngoại giao mở, tăng cường tiếp cận với mọi lực lượng dân chủ yêu hòa bình, chuộng công lý đang chống lại chính sách cường quyền áp đặt của các nước lớn. Cuối năm 1946, trong lời kêu gọi gửi Liên hợp quốc, Người khẳng định: “Chúng tôi trịnh trọng tuyên bố rằng nhân dân chúng tôi thành thật mong muốn hòa bình. Nhưng nhân dân chúng tôi cũng kiên quyết chiến đấu đến cùng để bảo vệ những quyền thiêng liêng nhất: toàn vẹn lãnh thổ cho Tổ quốc và độc lập cho đất nước.

Đồng thời trong chính sách đối ngoại của mình, nhân dân Việt Nam sẽ tranh thủ những nguyên tắc dưới đây:

(1) Đối với Lào và Miên, nước Việt Nam tôn trọng nền độc lập của hai nước đó và bày tỏ

lòng mong muốn hợp tác trên cơ sở bình đẳng tuyệt đối giữa các nước chủ quyền.

(2) Đối với các nước dân chủ, nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực;... dành sự tiếp nhận thuận lợi cho đầu tư của các nhà tư bản, nhà kỹ thuật nước ngoài trong tất cả các ngành kỹ nghệ của mình;... chấp nhận tham gia mọi tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế...¹.

5. Đấu tranh và hòa hoãn với thế lực Tưởng Giới Thạch trong thời gian trước khi có Hiệp định Hoa-Pháp (28-2-1946) là bước đi đầu tiên dùng Tưởng để kiềm chế mưu đồ của thực dân Pháp, khai thác sự khác nhau về lợi ích ở Đông Dương giữa Pháp-Anh và Mỹ-Tưởng.

Trong lúc tình hình kinh tế, tài chính của ta rất khó khăn, quân đội Tưởng và lực lượng tay sai của chúng vào đất nước ta gây sức ép về nhiều mặt, rêu rao “Hồ Chí Minh thập đại tội” để gây rối và lật đổ. Chủ tịch Hồ Chí Minh kể lại nội dung trao đổi, bàn bạc với cụ Huỳnh Thúc Kháng thời đó: “Nay trong nước ta có 20 vạn quân Quốc dân Đảng Trung Quốc, lại có một số Việt Nam Quốc dân Đảng sẵn sàng cướp chính quyền, cần tranh thủ thời gian để củng cố chính quyền rồi thế nào sau sẽ liệu. Bây giờ phải làm chính sách “Câu Tiễn” đã².”

Chi thị của Ban chấp hành Trung ương về kháng chiến kiến quốc ngày 25-11-1945 vạch rõ: “Kẻ thù chính của chúng ta lúc này là *thực dân Pháp xâm lược*, phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng³”. Đồng thời với thế lực của Tưởng, ta vẫn chủ trương “Hoa-Việt thân thiện”, coi người Hoa như dân tốt huệ quốc. Vì vậy, ngay khi quân đội Tưởng vào đất nước ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ động tiếp xúc với những tướng lĩnh cầm đầu nhằm từng bước cảm hóa họ. Những cuộc gặp gỡ đó, ngay từ đầu đã tạo ra không khí hòa hoãn hai bên. Ta khai thác được những điểm khác nhau giữa từng lực lượng trong nội bộ quân Tưởng, giữa tập đoàn quân Tưởng ở Đông Dương và Trùng Khánh, và nhất là giữa quân Tưởng và quân Pháp trong vấn đề Việt Nam-Đông Dương. Hòa hoãn giữa ta và quân Tưởng làm cho Pháp, Anh thêm lo ngại và bộn tay sai của Tưởng, Pháp thêm hoang mang. Tuy bọn “Việt Quốc”, “Việt Cách” vẫn tìm mọi cách để gây bạo lực, làm rối loạn xã hội, nhưng qua thái độ kiên quyết trấn áp và kiên trì thương lượng của ta nên cuối cùng bọn chúng phải thỏa hiệp với ta để tồn tại. Có lúc thế lực quân Tưởng và tay sai của chúng gây căng thẳng, đưa ra những yêu sách không thể chấp nhận được như đòi Nguyễn Hải Thần làm Chủ tịch Chính phủ thay Hồ Chí Minh, đòi cải tổ Việt Minh, thay quốc kỳ... Trước tình hình như vậy, ta vẫn chủ trương giải quyết vấn đề gay cán giữa đôi bên thông qua đối thoại. Ngày 29-10-1945, Hồ Chí Minh gặp Nguyễn Hải Thần và phe cánh, tổ chức cuộc họp liên tịch giữa đại biểu Việt Minh với Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội và Việt Nam Quốc dân Đảng. Các cuộc họp đó đã đem lại kết quả là các bên đi đến thỏa thuận chung, ghi nhận việc đình chỉ công kích lẫn nhau; ủng hộ kháng chiến ở Nam Bộ; thành lập chính phủ liên hiệp kháng chiến; quyết tâm không để đổ máu giữa người Việt Nam và các bên cam kết kiên quyết cùng nhau chống lại mưu đồ của thực dân Pháp để tranh lấy độc lập hoàn toàn cho Việt Nam, v.v.. Các tướng lĩnh chỉ huy quân đội

1 Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 4, tr. 469-470.

2 Học viện Quan hệ quốc tế: *Bác Hồ nói về ngoại giao*, Hà Nội, 1994, tr. 10.

3 Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn Kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 8, tr. 26.

Tướng cũng từ chối hợp tác với thực dân Pháp. Lư Hán không chấp nhận việc Alécxăngđrri làm đại diện cho chính quyền Đờ Gôn ở miền Bắc, không cho phép Pháp lập cơ quan hành chính dân sự bên cạnh quân Tưởng ở phía Bắc.

Rõ ràng, chính sách “Câu Tiễn” của Việt Nam trong giai đoạn 1945—1946 đã từng bước làm cho thế lực của Tưởng Giới Thạch và bọn tay sai không thể thực hiện được mục tiêu của chúng trong “Hoa quân nhập Việt”, dù là với tư cách Đồng minh vào Việt Nam để thực thi quyết định của các nước lớn về Đông Dương. Hơn thế nữa, nó đã tạo ra được một liên hiệp hành động nào đó giữa ta với Tưởng trong việc chống lại mưu đồ gây chiến, thôn tính nước ta của thực dân Pháp. Nó làm cho lực lượng Đồng minh vào nước ta để áp đặt quyết định Pótxđam bị phân hóa. Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cải thiện vị thế của mình trong quan hệ với lực lượng Đồng minh và các nước lớn. Về ý nghĩa của việc hòa hoãn với Tưởng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kể lại: “... Tình hình lúc đó rất rối ren. Ngoài thì thực dân Pháp, thực dân Anh uy hiếp, trong thì Quốc dân Đảng phá... Phải cân nhắc kỹ lợi hại, chọn cái nào ít hại nhất mà làm. Phải làm như thế không thì bị kẹp cả hai phía: Bọn Pháp và bọn Quốc dân Đảng”⁴.

Tóm lại, Cách mạng Tháng Tám thành công, nhà nước công nông ra đời cũng là thời điểm nền ngoại giao mới, độc lập ra đời.

—Nhìn lại lịch sử, trong hơn 80 năm dưới ách thống trị của thực dân Pháp và phát xít Nhật, Việt Nam không có độc lập; chủ quyền quốc gia, dân tộc nói chung và chủ quyền ngoại giao nói riêng đều bị thực dân và phát xít tước đoạt.

Trong những năm từ 1920 đến 1940, chính quyền thực dân ở Đông Dương đã ký nhiều thỏa ước với các nhà cầm quyền nhiều nước ở châu Á-Thái Bình Dương nhằm tăng cường hợp tác với các nước này đàn áp phong trào yêu nước, cách mạng ở Đông Dương, cắt mọi quan hệ của cách mạng Đông Dương với bên ngoài.

Sau cuộc đảo chính ngày 9-3-1945, thế lực quân phiệt Nhật áp dụng chiến lược Đại Đông Á bằng 5 nguyên tắc: “Ngoại giao liên hiệp, quân sự đồng minh, kinh tế hợp tác, văn hóa câu thông, chính trị độc lập”.

Dù lời có khác nhau, nhưng tựu trung lại, Nhật Bản vẫn chủ trương thống trị Đông Dương và biến Đông Dương thành thuộc địa của Nhật.

—Chỉ sau khi giành lại nền độc lập dân tộc, nhân dân ta làm chủ đất nước, nền ngoại giao mới, độc lập tự chủ ra đời. Sự hiện diện của nền ngoại giao độc lập được đánh dấu bằng sự hình thành về mặt cơ chế, chính sách và hệ thống các biện pháp sách lược đối ngoại của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Trong bối cảnh bọn bễ khó khăn và thách thức, thế lực thù địch mạnh hơn ta gấp nhiều lần, khi “vận mệnh dân tộc như ngàn cân treo sợi tóc”, nền ngoại giao nước ta xuất hiện và trở thành phương tiện đấu tranh sắc bén trong tay nhà nước cách mạng, góp phần tích cực vào việc bảo vệ thành quả Cách mạng Tháng Tám.

4 Học viện Quan hệ quốc tế: *Bác Hồ nói về Ngoại giao*, Hà Nội, 1994, tr. 10.

—Nổi bật trong hoạt động ngoại giao lúc bấy giờ là đi đôi với việc sớm hoạch định và ban hành chính sách đối ngoại của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, ta đã kịp thời vận dụng sách lược tranh thủ Mỹ và hòa hoãn với thế lực Tưởng Giới Thạch, nhất là với lực lượng quân đội của chúng ở Bắc Việt Nam, để phân hóa và làm suy yếu các thế lực thù địch, đặc biệt là dùng lực lượng Tưởng để kiềm chế và chống lại mưu đồ của quân viễn chinh Pháp đang được Anh giúp sức, hòng trở lại thống trị nước ta bằng quân sự. Hòa hoãn với thế lực Tưởng lúc này có ý nghĩa to lớn là phá được khả năng các lực lượng Đồng minh liên kết cùng thực dân Pháp, dùng lực lượng vũ trang nhằm nhanh chóng thủ tiêu chính quyền cách mạng non trẻ.



注 释

1. Miên: 即Cao Miên, 高棉(柬埔寨)。

2. Hiệp định Hoa-Pháp: 中法协定, 即1946年2月28日中国国民党政府与法国政府代表在重庆签订的一系列文件, 包括《关于法国放弃在华治外法权及其有关特权条约》、《交收广州湾租借地专约》、《中法关于中越关系之协定》、《关于中国驻越北军队由法国军队接防之换文》和《关于法国供给中国驻越北军队越币之换文》。

3. Huỳnh Thúc Kháng: 黄叔抗(1876—1947), 字介生(Giới Sanh), 号铭掇(Minh Viên), 越南广南省人, 近代著名的抗法志士、学者。作为越南维新运动的领导人之一, 1908年被法国殖民者逮捕并被关押在昆仑岛13年。1927年他在顺化创办了在当时越南中圻创刊时间最早、办报时间最长(1927—1943)并在全国最具威信的《民声报》(Tiếng dân)。他曾使用许多不同的笔名, 用国语字和汉字写有大量的诗文、著作。

4. Câu Tiễn: 勾践(前497—前465在位), 春秋末越国国君, 曾败于吴国, 后卧薪尝胆, 终成强国, 公元前473年灭吴国。

5. Việt Quốc: 越南国民党(Việt Nam Quốc dân đảng, Đảng Quốc dân Việt Nam, Quốc dân đảng Việt Nam), 1927年由抗法志士阮太学(Nguyễn Thái Học)创立。阮太学领导了1930年越南国民党举行的安沛起义, 起义失败后, 他与其他12名越南国民党的主要领导者于1930年6月17日被法国殖民者杀害。

6. Việt Cách: 越南革命同盟会(Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội)。二战期间, 越南革命同盟会与越南国民党均为中国国民党培养的所谓“亲华”党派, 战时避居中国, 战后随中国军队返越, 企图建立蒋介石的傀儡政权。

7. Nguyễn Hải Thần: 阮海臣(1878—1954), 原名武海秋(Võ Hải Thu), 别名阮锦江(Nguyễn Cẩm Giang), 越南河东省(tỉnh Hà Đông, 今属河内)人, 抗法活动家, 越南革命同盟会领导人。1905年他随潘佩珠到中国, 曾就读于黄埔军校。1946年他曾任越南民主共和国临时政府副主席, 后流亡中国。

8. Lư Hán: 卢汉(1895—1974), 原名邦汉, 字永衡, 云南昭通人, 彝族, 原国民党滇军高级将领。1945年蒋介石派其赴越南接受日本投降。1949年12月9日他率部在昆明起义, 和平解放云南, 1955年被授予一级解放勋章。

9. Aléxhăngđri: 亚历山德利 (Alesandri), 原法国驻印度支那殖民军司令, 日本侵占越南时期, 逃到中国的云南。1945年9月28日, 卢汉在河内举行接受日军投降的典礼, 拒绝亚历山德利以法国正式代表的资格参加, 并拒绝悬挂法国国旗。

10. Hoa quân nhập Việt: 中国军队入越。1945年8月17日, 盟军统帅部发布第一号命令: “台湾及北纬16度以北法属印度支那境内的日本高级指挥官以及所有陆海空军和辅助部队, 应向蒋介石委员长投降。” 蒋介石命令国民党陆军第一方面军司令卢汉率其全军人越, 在河内设立占领军司令部, 接受日本投降。

11. cuộc đảo chính ngày 9-3-1945: 1945年“三·九政变”, 即1945年3月9日日本在印度支那发动的取代法国殖民统治、独占整个印度支那的倒法政变。

12. chiến lược Đại Đông Á: 大东亚战略, 指日本在第二次世界大战中提出的试图以“大东亚共荣圈”为整体, 以日本与东亚、东南亚“共存共荣的新秩序”作为建设目标的战略。